TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và tranh chấp tài sản khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con và tranh chấp tài sản chung khi ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1976; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

2. Bị đơn (có yêu cầu chia tài sản): Bà Trần Thị Lệ Th, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Nguyễn Mạnh H, như sau:

Ông và bà Trần Thị Lệ Th tổ chức lễ cưới năm 2002, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An vào ngày 24/7/2003. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại ấp Nhựt Hòa, xã Nhựt Ninh, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng từ năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu Thẩn, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vả nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 09 năm 2021 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Lệ Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 09/12/2003 hiện đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 21/02/2009. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Quế A cho bà Trần Thị Lệ Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa Thận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn, bà Trần Thị Lệ Th, trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Mạnh H về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống cũng như thời điểm ly thân như lời trình bày của ông H. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu Thẩn là do ông H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà cũng đồng ý ly hôn với ông H.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 09/12/2003 hiện đã thành niên, bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết và con chung tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 21/02/2009. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Quế A, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung gồm:

- 01 căn nhà cấp 04, diện tích 83,88m^2 xây dựng trên đất của mẹ ruột ông Nguyễn Mạnh H, giá trị căn nhà là 356.189.000đ (Riêng thửa đất thì bà không tranh chấp vì là đất của mẹ ông H);

- 01 xe môtô nhãn hiệu Wave, biển số 62-U1-0557, trị giá 2.300.000đ; 01 xe môtô nhãn hiệu Future, biển số 62-H1-219.00, trị giá 23.900.000đ (Cả 02 xe đều do ông H đứng tên sở hữu).

- 01 bộ salon, trị giá 22.792.000đ, 01 bộ đèn chùm, trị giá 2.880.000đ; 01 tủ tivi, trị giá 6.160.000đ; 02 quạt điện treo tường, trị giá 343.000đ; 01 quạt điện lỡ, trị giá 189.000đ; 01 quạt điện bàn, trị giá 360.500đ; 01 bàn ăn và 06 ghế, trị giá 3.395.000đ; 01 tủ lạnh, trị giá 1.050.000đ; 01 máy giặt, trị giá 1.860.000đ.

Tổng giá trị các tài sản là 421.419.000đ, bà yêu cầu được chia ½, yêu cầu ông H trả giá trị bằng tiền là 210.709.500đ trong thời hạn 02 tháng.

Về nợ chung: Không có.

3. Ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Ông thống nhất với tất cả các tài sản mà bà Th yêu cầu chia, ông đồng ý nhận tất cả các tài sản này và đồng ý chia cho bà Th ½ giá trị các tài sản là 210.709.500đ, nhưng do hiện tại lương của ông chỉ có 4.000.000đ mỗi tháng nên ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết số tiền 210.709.500đ nêu trên.

Tại phiên tòa:

Các đương sự trình bày đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 38, 51, 55, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự Thận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị Lệ Th.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Quế Anh, sinh ngày 21/02/2009 cho bà Trần Thị Lệ Th nuôi dưỡng, ông Nguyễn Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Mạnh H được sở hữu các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 04, diện tích 83,88m^2, trị giá 356.189.000đ; 01 xe môtô nhãn hiệu Wave, biển số 62-U1-0557, trị giá 2.300.000đ; Xe môtô nhãn hiệu Future, biển số 62-H1-219.00, trị giá 23.900.000đ (Cả 02 xe đều do ông H đứng tên sở hữu); 01 bộ salon, trị giá 22.792.000đ; 01 bộ đèn chùm, trị giá 2.880.000đ; 01 tủ tivi, trị giá 6.160.000đ; 02 quạt điện treo tường, trị giá 343.000đ; 01 quạt điện lỡ, trị giá 189.000đ; 01 quạt điện bàn, trị giá 360.500đ; 01 bàn ăn và 06 ghế, trị giá 3.395.000đ; 01 tủ lạnh, trị giá 1.050.000đ; 01 máy giặt, trị giá 1.860.000đ.

Buộc ông Nguyễn Mạnh H phải trả cho bà Trần Thị Lệ Th ½ tổng giá trị các tài sản được chia là 210.709.500đ (Hai trăm mười triệu bảy trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng), thời hạn thanh toán là 02 tháng tính từ ngày 17/3/2023.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu ly hôn, với bà Trần Thị Lệ Th, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà Th đang cư trú tại xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị Lệ Th xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2003, ngày 24/7/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nay ông H và bà Th Thận tình ly hôn, xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 09/12/2003 hiện đã thành niên, cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 21/02/2009. Bà Th và ông H thống nhất để bà Th được nuôi cháu Nguyễn Thị Quế A, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Quế A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Ông H và bà Th thống nhất vợ chồng có: Căn nhà cấp 04, diện tích 83,88m^2 xây dựng trên thửa đất của mẹ ruột ông Nguyễn Mạnh H, trị giá

356.189.000đ; 01 xe môtô nhãn hiệu Wave, biển số 62-U1-0557, trị giá 2.300.000đ; 01 xe môtô nhãn hiệu Future, biển số 62-H1-219.00, trị giá 23.900.000đ (Cả 02 xe đều do ông H đứng tên sở hữu); 01 Bộ salon, trị giá 22.792.000đ; 01 bộ đèn chùm, trị giá 2.880.000đ; 01 tủ tivi, trị giá 6.160.000đ; 02 quạt điện treo tường, trị giá 343.000đ; 01 quạt điện lỡ, trị giá 189.000đ; 01 quạt điện bàn, trị giá 360.500đ; 01 bàn ăn và 06 ghế, trị giá 3.395.000đ; 01 tủ lạnh, trị giá 1.050.000đ; 01 máy giặt, trị giá 1.860.000đ. Tổng giá trị các tài sản là 421.419.000đ, ông H và bà Th thống nhất giao toàn bộ tài sản cho ông H nhưng ông H có nghĩa vụ trả cho bà Th ½ giá trị phần tài sản nêu trên là 210.709.500đ. Đây là sự thỏa Thận tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.2] Tuy nhiên, ông H và bà Th không thỏa Thận được về thời gian trả số tiền 210.709.500đ này. Trong khi bà Th yêu cầu ông H trả trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày xét xử thì ngược lại ông H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ. Xét, tài sản đã giao cho ông H tức là ông H có quyền sở hữu các tài sản này khi bản án có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử buộc ông H phải trả cho bà Th số tiền 210.709.500đ trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông H và bà Th xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 5.600.000đ, do ông H và bà Th được chia đều tài sản nên mỗi người phải chịu ½ chi phí tống tụng. Do chi phí này bà Th đã nộp tạm ứng nên buộc ông H phải hoàn trả ½ cho bà Th là 2.800.000đ.

[7] Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 5% án phí trên số tài sản được chia. Bà Th phải chịu 5% án phí tính trên số tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 208; Điều 266, 271; 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 55; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự Thận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị Lệ Th.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Lệ Th được nuôi con tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 21/02/2009. Ông Nguyễn Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Mạnh H được sở hữu các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 04, diện tích 83,88m^2 cùng nhà vệ sinh diện tích 03m^2 xây dựng trên thửa đất của mẹ ruột ông Nguyễn Mạnh H, trị giá 356.189.000đ; 01 xe môtô nhãn hiệu Wave, biển số 62-U1-0557, trị giá 2.300.000đ; Xe môtô nhãn hiệu Future, biển số 62-H1-219.00, trị giá 23.900.000đ (Cả 02 xe đều do ông H đứng tên sở hữu); 01 bộ salon, trị giá 22.792.000đ; 01 bộ đèn chùm, trị giá 2.880.000đ; 01 tủ tivi, trị giá 6.160.000đ; 02 quạt điện treo tường, trị giá 343.000đ; 01 quạt điện lỡ, trị giá 189.000đ; 01 quạt điện bàn, trị giá 360.500đ; 01 bàn ăn và 06 ghế, trị giá 3.395.000đ; 01 tủ lạnh, trị giá 1.050.000đ; 01 máy giặt, trị giá 1.860.000đ.

Buộc ông Nguyễn Mạnh H phải trả cho bà Trần Thị Lệ Th ½ tổng giá trị các tài sản được chia là 210.709.500đ (Hai trăm mười triệu bảy trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng), thời hạn thanh toán là 02 tháng tính từ ngày 17/3/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị Lệ Th phải chịu 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), bà Th đã nộp xong.

Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), do chi phí này bà Trần Thị Lệ Th đã nộp tạm ứng nên buộc ông Nguyễn Mạnh H phải hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ Th 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn và 10.535.000đ (Mười triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí về chia tài sản, tổng cộng là 10.835.000đ (Mười triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 6334, ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Mạnh H còn phải nộp tiếp 10.535.000đ (Mười triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Lệ Th phải chịu 10.535.000đ (Mười triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí về chia tài sản nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo biên lai số 6368, ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Lệ Th còn phải nộp tiếp 2.535.000đ (Hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Đương có có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Dũng